TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐĂNG KÝ TRONG HK1 NĂM HỌC 2023 - 2024_CẬP NHẬT NGÀY 22/08/2023

Ngành Kỹ thuật xây dựng - Khóa 2018 + 2019 + 2020 + 2021 + 2022

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỲ	GHI CHÚ
1	D20_XD	GS19006	Tiếng Anh cuối khóa --> SV xem TB số 064-22/TB-DSG-ĐT ngày 14/04/2022 trên Web/Cổng TTĐT	0	30	30	0	0	0	0	0	HK7	
2	D20_XD	CI09022	Dự toán công trình	2	45	15	0	0	30	0	0	HK7	
3	D20_XD	CI03013	Đồ án Thi công 2	1	45	0	0	0	0	45	0	HK7	
4	D20_XD	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	1	45	0	0	0	0	45	0	HK7	
5	D20_XD		**Môn học tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 môn):**										
6	D20_XD	CI03017	Quản lý chất lượng công trình	3	45	30	15	0	0	0	0	HK7	
7	D20_XD	CI03019	Tin học ứng dụng trong thiết kế xây dựng	3	45	15	30	0	0	0	0	HK7	
8	D21_XD	GS19006	Tiếng Anh cuối khóa --> SV xem TB số 064-22/TB-DSG-ĐT ngày 14/04/2022 trên Web/Cổng TTĐT	0	30	30	0	0	0	0	0	HK5	
9	D21_XD	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	0	HK5	
10	D21_XD	CI09015	Tham quan	1	30	0	0	0	30	0	0	HK5	
11	D21_XD	CI03002	Bê tông cốt thép 2	3	45	30	15	0	0	0	0	HK5	
12	D21_XD	CI03005	Kết cấu thép	4	60	45	15	0	0	0	0	HK5	
13	D21_XD	CI03006	Kiến trúc	3	45	30	15	0	0	0	0	HK5	
14	D21_XD	CI09030	Nền móng	4	60	45	15	0	0	0	0	HK5	
15	D21_XD	CI03007	Thi công 1	3	45	30	15	0	0	0	0	HK5	
16	D21_XD	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	0	30	0	0	0	HK5	
17	D21_XD	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	2	45	15	0	0	30	0	0	HK5	
18	D21_XD	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	1	45	0	0	0	0	45	0	HK5	
19	D21_XD	CI03004	Đồ án Nền móng	1	45	0	0	0	0	45	0	HK5	
20	D22_XD	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	3	45	30	15	0	0	0	0	HK3	
21	D22_XD	GS19003	Tiếng Anh 3	2	45	15	0	30	0	0	0	HK3	
22	D22_XD	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	0	HK3	
23	D22_XD	CI09004	Cơ học kết cấu 1	3	45	30	15	0	0	0	0	HK3	
24	D22_XD	CI09005	Sức bền vật liệu 2	3	45	30	15	0	0	0	0	HK3	
25	D22_XD	CI09006	Vật liệu xây dựng	3	45	30	15	0	0	0	0	HK3	
26	D22_XD	CI03032	Tin học ứng dụng trong Vẽ kỹ thuật xây dựng	3	60	30	0	0	30	0	0	HK3	
27	D22_XD	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	1	30	0	0	0	30	0	0	HK3	
28	D22_XD	GS93003	Giáo dục thể chất 3	0	30	0	0	0	30	0	0	HK3	
29	D22_XD	GS93004	Giáo dục thể chất 4	0	30	0	0	0	30	0	0	HK3	
30	D23_XD	GS69001	Hóa đại cương	3	45	30	15	0	0	0	0	HK1	
31	D23_XD	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	HK1	
32	D23_XD	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	HK1	
33	D23_XD	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	HK1	
34	D23_XD	GS19007	Tiếng Anh 1	2	45	15	0	30	0	0	0	HK1	
35	D23_XD	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45	30	15	0	0	0	0	HK1	
36	D23_XD	CI03031	Khái niệm ngành nghề	2	30	30	0	0	0	0	0	HK1	
37	D23_XD	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	1	15	0	0	0	15	0	0	HK1	
38	D23_XD	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	2	45	0	15	0	30	0	0	HK1	
Các lớp_môn học mở cho Đại học các khóa học lại:													
1	DH_XD_HOCLAI	CI09010	Cơ học đất	**3**	45	30	15	0	0	0	0	-	Mở bổ sung
2	DH_XD_HOCLAI	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	**0**	30	15	15	0	0	0	0	-	
3	DH_XD_HOCLAI	CI09017	Nền móng công trình	**3**	45	30	15	0	0	0	0	-	Mở bổ sung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐĂNG KÝ TRONG HK1 NĂM HỌC 2023 - 2024_CẬP NHẬT NGÀY 22/08/2023

Ngành Kỹ thuật xây dựng - Khóa 2018 + 2019 + 2020 + 2021 + 2022

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỲ	GHI CHÚ
4	DH_XD_HOCLAI	GS19001	Tiếng Anh 1	**2**	45	15	0	30	0	0	0	-	Mở bổ sung
5	DH_XD_HOCLAI	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	**4**	60	45	15	0	0	0	0	-	Mở bổ sung
6	DH_XD_HOCLAI	GS43002	Vật lý 2	**4**	60	45	15	0	0	0	0	-	Mở bổ sung
Danh sách môn học sinh viên không đăng ký, hoặc đăng ký theo nguyện vọng nhưng chưa đủ sĩ số mở lớp:													
1	DH_XD_HOCLAI	CI09014	Đồ án Bê tông cốt thép 1	**1**	45	0	0	0	0	45	0	-	
2	DH_XD_HOCLAI	GS79003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	**3**	45	45	0	0	0	0	0	-	
3	DH_XD_HOCLAI	EE09901	Kỹ thuật điện	**3**	45	30	15	0	0	0	0	-	
4	DH_XD_HOCLAI	CI03009	Móng trên nền đất yếu	**3**	45	30	15	0	0	0	0	-	
5	DH_XD_HOCLAI	CI03010	Nhà cao tầng	**3**	45	30	15	0	0	0	0	-	
6	DH_XD_HOCLAI	GS79001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	**4**	75	45	0	30	0	0	0	-	
7	DH_XD_HOCLAI	CI03012	Thi công 2	**3**	45	30	15	0	0	0	0	-	
8	DH_XD_HOCLAI	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	**2**	45	15	0	0	30	0	0	-	
9	DH_XD_HOCLAI	CI09007	Vẽ kỹ thuật xây dựng	**4**	60	45	15	0	0	0	0	-	
10	DH_XD_HOCLAI	AA19002	Xác suất thống kê	**3**	45	30	15	0	0	0	0	-	